

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP RISETECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP RISETECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RISETECH SOLUTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110649615

3. Ngày thành lập: 14/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 5 ngõ 406/17 đường Xuân Phương, Tổ dân phố số 7, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0372981301

Fax:

Email: risetechsolution@outlook.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ Bán buôn đồ dùng phẩm và dụng cụ y tế)	4649
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại hoặc phi kim loại (trừ loại Nhà nước cấm)	4669
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
12.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
13.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
14.	Lập trình máy vi tính	6201
15.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
16.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
17.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
18.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính)	6619
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng	7110
20.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
23.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn, đào tạo, cung cấp các giải pháp và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, điện tử, tin học, cơ khí, viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	7490
25.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
26.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
27.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219

28.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
29.	Đúc sắt, thép	2431
30.	Đúc kim loại màu (trừ vàng)	2432
31.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
32.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
33.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
36.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
37.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
38.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
39.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
40.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
41.	Sản xuất đồng hồ	2652
42.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
43.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
44.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
45.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
46.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
47.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
48.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
50.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
51.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
52.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
53.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
54.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
55.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
56.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
57.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
58.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820

59.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
60.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả, kính thuốc)	3250
61.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
62.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
65.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
66.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
67.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ CÔNG THƯỜNG	Việt Nam	Thôn Phú Xuân, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	4.000.000.000	80,000	034097001400	
2	LÊ MINH CHUÔNG	Việt Nam	Thôn Phú Xuân, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	034092004516	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: LÊ CÔNG THƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/07/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034097001400

Ngày cấp: 12/09/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Xuân, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Xuân, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội